

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 22-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Hưng.

Ông Đỗ Minh Lắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Bé T, sinh năm 1989 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Chí T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 4, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-4-2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phan Thị Bé T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bé T và anh Trần Chí T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 02-12-2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường

xuyên cự cãi, không tôn trọng nhau; anh T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho gia đình và thường uống rượu. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Trường Th (nam), sinh ngày 17-12-2015 và Trần Gia Th (nam), sinh ngày 31-7-2017; hiện nay các con đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T và anh T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 27-6-2019, bị đơn là anh Trần Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị T về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Anh T xác định anh có thường hay đi chơi nên chị T không đồng ý. Nay anh yêu cầu được đoàn tụ, trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nuôi con chung: Anh T thống nhất như lời trình bày của chị T về con chung. Trường hợp ly hôn, anh T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Bị đơn không chấp hành thủ tục tố tụng dân sự khi Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Về nội dung: Áp dụng Điều 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị T ly hôn với anh T. Giao con chung là Trường Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao Gia Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Bé T và anh Trần Chí T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 02-12-2015 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn

nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Bé T, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị T khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh T và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời, chị T khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T.

[4] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị T yêu cầu nuôi dưỡng Trần Gia Th (nam), sinh ngày 31-7-2017; chị đồng ý giao Trần Trường Th (nam), sinh ngày 17-12-2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T là phù hợp với điều kiện thu nhập thực tế của vợ chồng tại thời điểm ly hôn và hiện nay chị T đang mang thai nên trường hợp giao chị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu sẽ gặp khó khăn. Hơn nữa, việc giao cho chị T và anh T nuôi dưỡng một cháu sẽ đảm bảo điều kiện về sinh hoạt và vật chất trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung tốt hơn. Chị T và anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T và anh T không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung và thống nhất xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Bé T ly hôn với anh Trần Chí T.

- Về nuôi con chung: Giao Trần Trường Th (nam), sinh ngày 17-12-2015 cho anh Trần Chí T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao Trần Gia Th (nam), sinh ngày 31-7-2017 cho chị Phan Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Thị Bé T và anh Trần Chí T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Bé T và anh Trần Chí T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phan Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 03 tháng 4 năm 2019, chị T đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004304 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phan Thị Bé T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Chí T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã K, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út